TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/DS-ST.
Ngày: 12.9.2024.
Về: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.
Ông **Nguyễn Văn Sang**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST- DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (Sacombank)**

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại chỉ tại Cần Thơ: K1-9, K1-10 đường Võ Nguyên G, phường PT, quận CR, thành phố CT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Tăng Nhựt M**. (Giấy ủy quyền ngày 02/4/2024).

Địa chỉ: Số 95-97-99 Võ Văn T, phường TA, quận NK, thành phố CT. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Trần TN**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 31A, KV TP, phường PT, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tăng Nhựt M trình bày***:

Ngày 02/11/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần TN, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Trần TN đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.700.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 25.189.695 đồng (Hai mươi lăm triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng) và từ đó đến nay bị đơn không còn thanh toán bất kỳ số tiền nào nữa cho nguyên đơn. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, vào ngày 15/05/2024 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ mà bị đơn chưa trả sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 24/07/2024 là 35.448.718 đồng (trong đó: Nợ gốc 31.486.123 đồng, lãi trong hạn 2.656.245 đồng và lãi quá hạn là 1.306.350 đồng). Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 25/7/2024 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

** Bị đơn bà Trần TN đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Do vắng mặt bị đơn không thể tiến hành hòa giải được nên Tòa án lập biên bản công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 36.755.068 đồng (trong đó: Nợ gốc 31.486.123 đồng, lãi trong hạn 2.656.245 đồng và lãi quá hạn là 2.612.700 đồng). Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 13/9/2024 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật mà vẫn vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần TN.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ. Bị đơn vắng mặt không lý do. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tăng Nhựt M đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét thì đây là quan hệ pháp luật về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", do bị đơn có nơi cứ trú tại quận CR, thành phố CT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần TN, nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Trần TN đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.700.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng). Việc ký kết hợp đồng là trên cơ sở tự nguyện và thời điểm ký kết thì bị đơn có đủ năng lực pháp lý để hiểu rõ khi ký vào hợp đồng tín dụng là phải thực hiện đúng theo các điều khoản trong hợp đồng tín dụng này.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 36.755.068 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 31.486.123 đồng.
- Lãi trong hạn: 2.656.245 đồng.
- Lãi quá hạn: 2.612.700 đồng.
- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 13/9/2024 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

[4] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt là cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ theo hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã tự nguyện ký kết, sau khi đối chiếu với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án của phía nguyên đơn cung cấp. Do bị đơn cố tình vắng mặt và không cung cấp chứng cứ nào để được Hội đồng xét xử xem xét nên căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 36.755.068 đồng. Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ tính tiếp từ ngày 13/9/2024 đến khi bị đơn trả dứt nợ nguyên đơn.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% đối với nghĩa vụ phải thực hiện trả số tiền là 36.755.068 đồng (36.755.068 đồng x 5 % = 1.837.753 đồng). Bị đơn phải nộp 1.837.753 đồng (Một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền là 735.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003428 ngày 14/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

<u>Căn cứ vào</u>*:*

- Điều 26, 35, 39, 147, 180, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

2. *Về nợ*: Bị đơn bà Trần TN có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT tổng số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là 36.755.068 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 31.486.123 đồng (Ba mươi mốt triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi ba đồng).

- Lãi trong hạn: 2.656.245 đồng (Hai triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

- Lãi quá hạn: 2.612.700 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn, bảy trăm đồng).

- Tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng sẽ được tính tiếp từ ngày 13/9/2024 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn.

3. Thời hạn và phương thức thanh toán sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT điều chỉnh.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn bà Trần TN phải nộp 1.837.753 đồng (Một triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được nhận lại số tiền là 735.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003428 ngày 14/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu.

Huỳnh Thị Kim Xuân